

Số: 41 /2013/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 12 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008 và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 08 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khóm thuộc tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2011/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về cơ cấu tổ chức và mức phụ cấp đối với thành viên Ban bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 50/2011/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc ban hành mức trợ cấp đối với những người hoạt

động không chuyên trách ở cấp xã và cán bộ Mặt trận, đoàn thể khóm, ấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 114/2008/NQ-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quy định chế độ trợ cấp đối với cán bộ Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, Tổ chức xã hội tại xã, phường, thị trấn, khóm, ấp và hỗ trợ kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 143/2013/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân Tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khóm thuộc tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

1. Chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm quy định kèm theo Quyết định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

2. Bãi bỏ Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy định về số lượng, chức danh, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khóm thuộc tỉnh Đồng Tháp.

3. Bãi bỏ các Quyết định: Quyết định số 58/2008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tự nguyện đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 19/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quy định cơ cấu tổ chức và phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 35/2008/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc chế độ, chính sách đối với cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và cán bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở khóm, ấp thuộc tỉnh Đồng Tháp.

4. Bãi bỏ quy định về số lượng và mức phụ cấp hàng tháng đối với nhân viên y tế khóm, ấp được quy định tại Đề án Xây dựng hệ thống nhân viên y tế

khóm, áp giai đoạn 2012 - 2016 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ban hành kèm theo Quyết định số 585/2012/QĐ-UBND-HC ngày 24 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

5. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, tuyển dụng, điều động, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, chế độ, chính sách và quản lý những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (ban hành kèm theo Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp), kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quy định về số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (ban hành kèm theo Quyết định này).

**Điều 3.** Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (I, II);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.TU; TT.HĐND Tỉnh;
- CT, PCT.UBND Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND Tỉnh;
- Các cơ quan Ban Đảng Tỉnh;
- MTTQ và các Đoàn thể Tỉnh;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT, NC/NC (Đức).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KỶ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Dương**

## **QUY ĐỊNH**

**Về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2013/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Những người hoạt động không chuyên trách; các chức danh thuộc mặt trận tổ quốc và các đoàn thể ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm; mặt trận tổ quốc và các đoàn thể ở xã, phường, thị trấn; công an viên; bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn và ở khóm; lực lượng dân quân ở cấp xã và nhân viên y tế ấp, khóm.

### **Chương II NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ Ở ẤP, KHÓM**

#### **Mục 1 CHỨC DANH, SỐ LƯỢNG NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ Ở ẤP, KHÓM**

**Điều 3. Chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn**

1. Tổ chức;
2. Kiểm tra;
3. Tuyên giáo;
4. Văn phòng Đảng ủy;
5. Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam);
6. Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

7. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
8. Phó Chủ tịch Hội Nông dân (áp dụng đối với cấp xã có hoạt động nông, lâm, ngư và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam);
9. Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
10. Phó Trưởng công an (số lượng Phó Trưởng Công an thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã);
11. Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự (số lượng Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ);
12. Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ;
13. Truyền thanh;
14. Cán bộ Văn phòng;
15. Nội vụ;
16. Quản lý Nhà Văn hóa (áp dụng đối với các xã có Nhà Văn hóa);
17. Nhân viên Quân báo thông tin - Ban Chỉ huy Quân sự;
18. Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
19. Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.

**Điều 4. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn**

1. Xã, phường, thị trấn loại 1 được bố trí tối đa không quá 22 người.
2. Xã, phường, thị trấn loại 2 được bố trí tối đa không quá 20 người.
3. Xã, phường, thị trấn loại 3 được bố trí tối đa không quá 19 người.

**Điều 5. Chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm**

1. Bí thư Chi bộ;
2. Trưởng ấp, Trưởng khóm;
3. Phó Trưởng ấp, Phó trưởng khóm (do công an viên cấp xã phụ trách ấp, khóm hoặc ấp đội trưởng, khóm đội trưởng kiêm nhiệm);
4. Ấp đội trưởng, Khóm đội trưởng.

**Điều 6. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm**

Mỗi ấp, khóm bố trí tối đa không quá 04 người.

## **Mục 2**

### **MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ Ở ẤP, KHÓM**

#### **Điều 7. Mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn**

1. Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn có bằng tốt nghiệp trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở và được trợ cấp thêm với mức sau:

- a) Tốt nghiệp đại học: 1.100.000 đồng (một triệu một trăm ngàn đồng).
- b) Tốt nghiệp cao đẳng: 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng).
- c) Tốt nghiệp trung cấp: 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng).

Văn bằng tốt nghiệp trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bằng.

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn chưa qua đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở.

3. Phó Trưởng Công an xã ngoài mức phụ cấp được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về công an xã.

4. Đối với thị trấn chưa bố trí công an chính quy thì Phó Trưởng Công an thị trấn được hưởng chế độ, chính sách như Phó Trưởng Công an xã quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn ngoài mức phụ cấp được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

#### **Điều 8. Mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm.**

Những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở.

#### **Điều 9. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh**

1. Cán bộ cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khóm kiêm nhiệm chức danh khác của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khóm mà giảm được 01 người trong số lượng quy định, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì hàng tháng được hưởng thêm mức phụ cấp kiêm nhiệm hệ số 0,4 so với mức lương cơ sở. Khi thôi kiêm nhiệm thì thôi hưởng phụ cấp kiêm nhiệm kể từ tháng sau liền kề với tháng thôi giữ chức danh kiêm nhiệm.

2. Người kiêm nhiệm một hoặc nhiều chức danh chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm.

3. Công an viên kiêm nhiệm Phó trưởng ấp hoặc Phó trưởng khóm được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm hệ số 0,4 so với mức lương cơ sở.

### **Chương III** **ĐOÀN THỂ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ** **MẶT TRẬN TỔ QUỐC, ĐOÀN THỂ Ở ẤP, KHÓM**

#### **Mục 1** **CHỨC DANH THUỘC CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ Ở XÃ, PHƯỜNG,** **THỊ TRẤN VÀ MẶT TRẬN TỔ QUỐC, ĐOÀN THỂ Ở ẤP, KHÓM**

**Điều 10. Chức danh thuộc các tổ chức đoàn thể ở xã, phường, thị trấn**

1. Chủ tịch Hội Khuyến học.
2. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên.
3. Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.
4. Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi.
5. Phó Chủ tịch Hội Khuyến học.

**Điều 11. Chức danh thuộc tổ chức mặt trận tổ quốc, đoàn thể ở ấp, khóm**

1. Trưởng Ban công tác Mặt trận (có thể bố trí Bí thư Chi bộ kiêm nhiệm).
2. Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
3. Chi Hội trưởng Hội Phụ nữ.
4. Chi Hội trưởng Hội Nông dân.
5. Chi Hội trưởng Hội Cựu chiến binh.

#### **Mục 2** **MỨC TRỢ CẤP ĐỐI VỚI CHỨC DANH THUỘC CÁC TỔ CHỨC** **ĐOÀN THỂ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ MẶT TRẬN TỔ QUỐC,** **ĐOÀN THỂ Ở ẤP, KHÓM**

**Điều 12. Mức trợ cấp hàng tháng đối với chức danh thuộc các tổ chức đoàn thể ở xã, phường, thị trấn**

1. Chủ tịch Hội Khuyến học: 324.000 đồng/tháng.
2. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên, Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Phó Chủ tịch Hội Khuyến học: 216.000 đồng/người/tháng.

**Điều 13. Mức trợ cấp hàng tháng đối với chức danh thuộc các tổ chức mặt trận tổ quốc và đoàn thể ở ấp, khóm**

1. Trưởng Ban công tác Mặt trận, Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi Hội trưởng Hội Phụ nữ, Chi Hội trưởng Hội Nông dân; Chi Hội trưởng Hội cựu chiến binh: 200.000 đồng/người/tháng.

2. Bí thư Chi bộ kiêm nhiệm Trưởng Ban công tác Mặt trận được hưởng trợ cấp kiêm nhiệm: 200.000 đồng/tháng.

### **Mục 3**

## **KHOẢN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

**Điều 14. Khoản kinh phí hoạt động đối với mặt trận tổ quốc và các đoàn thể ở xã, phường, thị trấn như sau:**

1. Mặt trận Tổ quốc: 400.000 đồng/tháng.
2. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh: 300.000 đồng/tổ chức/tháng.
3. Hội Người cao tuổi: 200.000 đồng/tháng.
4. Câu Lạc bộ Cựu quân nhân: 150.000 đồng/tháng.

### **Chương IV CÔNG AN VIÊN**

**Điều 15. Số lượng công an viên xã, thị trấn**

Công an viên xã, thị trấn bao gồm: Công an viên thường trực tại xã, thị trấn và Công an viên xã, thị trấn phụ trách ấp, khóm.

1. Công an viên làm nhiệm vụ thường trực ở xã, thị trấn: mỗi xã, thị trấn được bố trí không quá 03 công an viên.

2. Mỗi ấp, khóm thuộc đơn vị hành chính cấp xã loại 1, loại 2, xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự được bố trí không quá 02 công an viên. Mỗi ấp, khóm thuộc đơn vị hành chính cấp xã loại 3 được bố trí 01 công an viên.

**Điều 16. Mức phụ cấp hàng tháng đối với công an viên**

1. Công an viên tốt nghiệp trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở và được trợ cấp thêm với mức sau:

- a) Tốt nghiệp đại học: 1.100.000 đồng (một triệu một trăm ngàn đồng).
- b) Tốt nghiệp cao đẳng: 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng).
- c) Tốt nghiệp trung cấp: 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng).

Văn bằng tốt nghiệp trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bằng.

2. Công an viên chưa qua đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở.

3. Công an viên ngoài mức phụ cấp được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về công an xã.

## **Chương V**

### **BẢO VỆ DÂN PHỐ Ở PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ Ở KHÓM; LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN Ở CẤP XÃ**

#### **Điều 17. Tổ chức Bảo vệ dân phố**

1. Ban Bảo vệ dân phố: Mỗi phường, thị trấn thành lập 01 Ban Bảo vệ dân phố gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố. Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố là Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố.

2. Tổ Bảo vệ dân phố: Mỗi khóm thành lập 02 Tổ Bảo vệ dân phố, mỗi Tổ Bảo vệ dân phố gồm: Tổ trưởng, Tổ phó và 03 Tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố.

#### **Điều 18. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Bảo vệ dân phố**

1. Ban Bảo vệ dân phố

a) Trưởng ban: được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 0,6 so với mức lương cơ sở;

b) Phó Trưởng ban: được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 0,55 so với mức lương cơ sở.

2. Tổ Bảo vệ dân phố

a) Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố là Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.

b) Tổ phó được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 0,45 so với mức lương cơ sở.

c) Tổ viên được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 0,4 so với mức lương cơ sở.

3. Thành viên Ban Bảo vệ dân phố, Tổ Bảo vệ dân phố ngoài mức phụ cấp được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ dân phố.

#### **Điều 19. Lực lượng dân quân ở cấp xã**

Tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân ở cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

#### **Điều 20. Chế độ, chính sách đối với dân quân**

1. Dân quân được hưởng chế độ, chính sách trong trường hợp sau:

a) Khi được huy động làm nhiệm vụ.

b) Thực hiện quyết định điều động của cấp có thẩm quyền.

2. Dân quân thường trực được trợ cấp ngày công lao động hệ số 0,08 so với mức lương cơ sở.

3. Dân quân nòng cốt đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, nếu tiếp tục được kéo dài thời hạn tham gia thực hiện nghĩa vụ thì ngoài chế độ theo quy định, khi được huy động làm nhiệm vụ được hưởng trợ cấp ngày công lao động tăng thêm, mức trợ cấp tăng thêm hệ số 0,04 so với mức lương cơ sở.

4. Lực lượng dân quân ở cấp xã ngoài mức trợ cấp ngày công lao động được hưởng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

## **Chương VI NHÂN VIÊN Y TẾ ẤP, KHÓM**

### **Điều 21: Số lượng nhân viên y tế ấp, khóm**

Mỗi ấp, khóm được bố trí 02 nhân viên y tế.

### **Điều 22. Mức phụ cấp hàng tháng đối với nhân viên y tế ấp, khóm**

1. Nhân viên y tế ấp thuộc các xã biên giới gồm các xã: Thường Phước 1, Thường Thới Hậu A, Thường Thới Hậu B (huyện Hồng Ngự), Tân Hội, Bình Thạnh (thị xã Hồng Ngự), Bình Phú, Tân Hộ Cơ, Thông Bình (huyện Tân Hồng) được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.

2. Nhân viên y tế ấp thuộc các xã còn lại và nhân viên y tế khóm thuộc các phường, thị trấn được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở.

3. Nhân viên y tế ấp, khóm ngoài mức phụ cấp được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về nhân viên y tế ấp, khóm.

## **Chương VII HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN, HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ**

### **Điều 23. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện**

Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, công an viên cấp xã, dân quân thường trực tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, được ngân sách hỗ trợ 100% mức đóng thấp nhất (tương ứng với mức thu nhập hàng tháng bằng mức lương cơ sở).

### **Điều 24. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế**

Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở ấp, khóm; công an viên cấp xã tham gia bảo hiểm y tế với mức đóng bằng 4,5% so với mức lương cơ sở, trong đó ngân sách hỗ trợ đóng 70% mức đóng và đối tượng đóng 30% mức đóng.

## **Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 25. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách**

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Quy định này do ngân sách Trung ương và ngân sách Tỉnh đảm bảo.

**Điều 26. Trách nhiệm thi hành**

1. Sở Nội vụ theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.
2. Sở Tài chính cân đối kinh phí và hướng dẫn, kiểm tra địa phương thực hiện chế độ, chính sách theo Quy định này.
3. Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện Quy định này, định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh (qua Sở Nội vụ).
4. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai, thực hiện Quy định này, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ).

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nội vụ để được hướng dẫn thực hiện hoặc trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT, CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Dương**